Thứ Hai, Ngày 6 Tháng 11 Năm 2023

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

***" Thị trường tiếp tục hồi phục"***

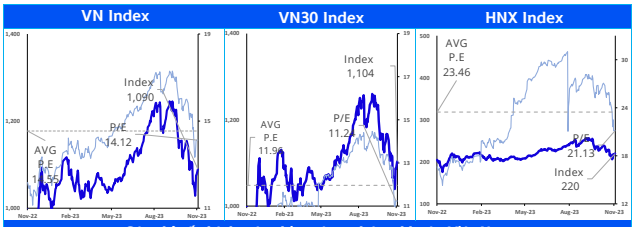
▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Hai, thanh khoản tăng, hai chỉ số chính tăng điểm cho thấy tâm lý tích cực của nhà đầu tư.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 12.88 điểm, tương ứng với 1.2%, đạt 1,089.66 điểm; HNX-Index tăng 1.85 điểm (0.85%), đạt 219.59 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 14.1 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 693 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 356.1 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở STB và HPG.

▶ VPB (+5.05%), HPG (+2.59%) và VCB (+0.67%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, MWG (-2.31%), VRE (-1.64%) và OCB (-1.8%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vật liệu xây dựng và Sản xuất phụ trợ là 2 nhóm ngành tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay với các mã như sau: HPG và PNJ.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: VNINDEX có nhịp tăng khá mạnh với thanh khoản gia tăng. Các chỉ báo kĩ thuật cũng từ đó cải thiện. Trước đây chúng tôi cũng đã đề cập đến vùng hỗ trợ cứng của thị trường khu vực 1020-1080 – tương ứng với biên độ giao dịch đầu năm 2023. Ở thời điểm hiện tại, VNINDEX sẽ bắt đầu quay lại con sóng tăng khi vượt hoàn toàn vùng hỗ trợ trên 1020-1080 và vùng MA 200. Đặc biệt là MA 200, thị trường sẽ thường có tín hiệu giảm ngược lại khi gặp MA 200. Vì thế việc hình thành đáy thứ 2 là vẫn có thể xảy ra và thị trường cần tích lũy thêm.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,090 | 1.2 | -3.4 | 9.3 | 14.1 | 1.6 | 4,336,370 |
| VN30 Index | 1,104 | 1.6 | -3.2 | 10.6 | 11.2 | 1.5 | 3,110,342 |
| VN Midcap | 1,577 | 1.3 | -2.8 | 23.5 | 16.2 | 1.4 | 773,413 |
| VN Smallcap | 1,253 | 0.6 | -6.5 | 13.9 | 27.4 | 1.0 | 221,542 |
| HNX Index | 220 | 0.8 | -4.7 | 7.3 | 21.1 | 1.1 | 274,550 |
| UpCom | 85 | 1.1 | -2.5 | 14.5 | 13.4 | 1.8 | 1,029,667 |

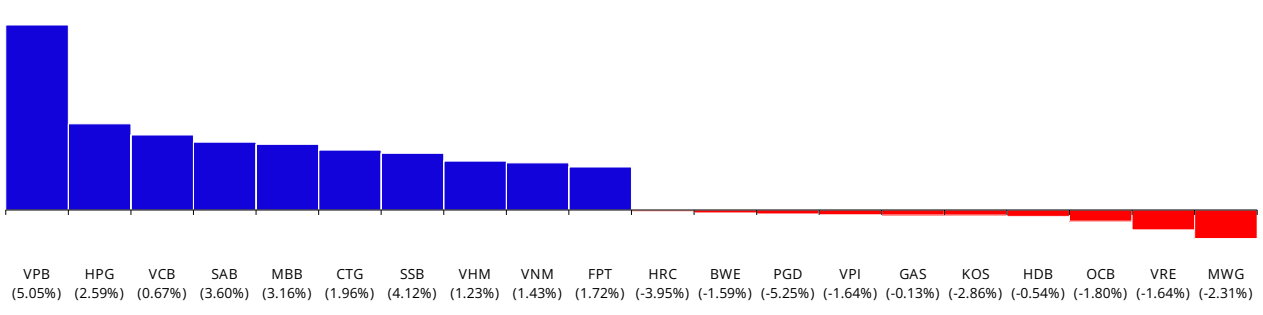
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -1.2 | -17.1 | 1.0 | 0.9 | 16.4 | 2.4 | 84,701 |
| Bảo hiểm | 1.1 | -3.4 | -8.9 | -13.2 | 16.5 | 1.4 | 41,415 |
| Bất động sản | 0.6 | -8.0 | -9.0 | -18.5 | 12.7 | 1.3 | 680,725 |
| CNTT | 1.6 | -4.6 | 30.5 | 38.0 | 21.1 | 4.0 | 125,736 |
| Dầu khí | 0.4 | -3.7 | 42.7 | 23.0 | 39.1 | 2.3 | 56,617 |
| Dịch vụ tài chính | 1.2 | -8.5 | 64.6 | 69.6 | 26.3 | 1.6 | 154,507 |
| Tiện ích | 0.2 | -5.6 | -1.6 | -6.1 | 11.1 | 2.0 | 298,310 |
| Du lịch và Giải trí | 0.8 | 2.9 | -10.0 | 2.8 | n.a | 8.8 | 91,642 |
| Hàng & DV CN | 2.0 | -5.3 | 13.1 | 15.0 | 12.3 | 1.6 | 129,137 |
| Hàng CN & Gia dụng | 1.9 | -5.7 | -6.2 | 5.7 | 10.3 | 1.7 | 48,638 |
| Hóa chất | 0.7 | -8.9 | 23.1 | 18.9 | 7.5 | 1.4 | 161,160 |
| Ngân hàng | 1.6 | 3.0 | 20.9 | 30.8 | 9.0 | 1.7 | 1,762,620 |
| Ô tô và phụ tùng | 0.8 | -3.2 | 18.7 | 17.8 | 12.9 | 1.0 | 21,274 |
| Tài nguyên Cơ bản | 2.2 | 1.3 | 39.2 | 58.6 | 26.5 | 1.4 | 194,868 |
| Th.phẩm & Đồ uống | 1.3 | -6.7 | -14.4 | -15.5 | 18.9 | 2.8 | 425,809 |
| Truyền thông | -1.8 | 4.2 | 118.3 | 73.7 | 26.3 | 1.4 | 1,923 |
| Xây dựng và Vật liệu | 0.5 | -7.9 | 32.3 | 26.2 | 21.7 | 1.2 | 103,662 |
| Y tế | 0.8 | -6.9 | 13.6 | 17.8 | 14.0 | 2.1 | 34,622 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 105 | -0.1 | -1.1 | -1.0 | 2.9 | 1.4 | -5.4 |
| USD/JPY | 149 | 0.0 | 0.2 | 0.1 | 4.9 | 14.0 | 1.9 |
| USD/CNY | 7 | 0.0 | -0.4 | -0.3 | 1.2 | 5.5 | 0.7 |
| KRW/USD | 1,297 | -1.9 | -4.0 | -3.9 | -0.7 | 2.5 | -7.4 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | -1.2 | -1.5 | 2.4 | -0.4 | -6.8 |
| USD/VND | 24,345 | -0.9 | -0.9 | -0.2 | 2.6 | 3.0 | -2.1 |
| Dầu Thô | 82 | 1.3 | -0.9 | -1.5 | -1.5 | 1.6 | -11.9 |
| Xăng | 237 | 7.7 | 6.8 | 8.1 | -14.8 | -3.6 | -13.3 |
| Khí đốt | 3 | -3.8 | 0.9 | 1.3 | 31.2 | -24.4 | -47.2 |
| Than | 123 | 2.1 | -9.4 | -18.1 | -10.5 | -69.7 | -65.1 |
| Vàng | 1,987 | -0.3 | -0.4 | 8.4 | 2.6 | 9.0 | 18.6 |
| Thép cuộn | 3,910 | 0.6 | 1.5 | 0.6 | -3.0 | -5.7 | 4.0 |

**Đóng góp vào VN Index**





**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Phạm Linh**
☎ (84-28) 5808 - 8004
✉ linh.ptb@shinhan.com

**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Lê Ngọc**
☎ (84-28) 6299 - 8017
✉ ngoc.lh@shinhan.com


Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1)TNG – Hàng cá nhân & Gia dụng:** CTCP Đầu tư và Thương mại TNG vừa công bố doanh thu tiêu thụ tháng 10 đạt 570 tỷ đồng, giảm 5% so với tháng 9, tăng nhẹ (1 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

**2)FPT – Công nghệ Thông tin:** Ngày 6/11, FPT công bố thương vụ mua Cardinal Peak, một công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ có tuổi đời 20 năm tại thị trường Bắc Mỹ.

**3)PLC – Hóa chất:** PLC điều chỉnh mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 30% so với ban đầu, còn 112 tỷ đồng. Lãi ròng quý 4 phải tăng trưởng tối thiểu 37% so với cùng kỳ năm ngoái để hoàn thành kế hoạch.

**4)GIL – Hàng cá nhân & Gia dụng:** GIL công bố BCTC hợp nhất quý III với khoản lỗ 19 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước có lãi 129 tỷ đồng. Đây là quý thứ 3 doanh nghiệp thua lỗ.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**CTCP Tập đoàn Hòa Phát – HPG**

**HPG – Tài nguyên Cơ bản:** Trong tháng 10 vừa qua, các sản phẩm hạ nguồn HRC của Hòa như ống thép, tôn mạ cũng tăng lần lượt là 11% và 25% so với tháng trước. Cụ thể, ống thép Hòa Phát đạt 54.000 tấn, tôn Hòa Phát ghi nhận 26.000 tấn. Kết quả bán hàng thép cuộn cán nóng tháng qua đạt cao chủ yếu nhờ nhu cầu các sản phẩm hạ nguồn tại thị trường miền Nam và xuất khẩu tốt hơn so với tháng 9/2023.



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 11/5/2023 | 11/6/2023 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Truyền thông | 44.9 | 5 | 10 | 7 | |
| 2 | Du lịch và Giải trí | 24.7 | 119 | 143 | 115 | |
| 3 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 12.8 | 106 | 125 | 111 | |
| 4 | Ngân hàng | 10.9 | 2,589 | 2,283 | 2,057 | |
| 5 | Tài nguyên Cơ bản | 0.0 | 1,112 | 1,018 | 1,017 | |
| 6 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -12.9 | 777 | 599 | 688 | |
| 7 | Xây dựng và Vật liệu | -13.0 | 1,140 | 708 | 813 | |
| 8 | Bất động sản | -15.8 | 3,258 | 2,370 | 2,815 | |
| 9 | Bán lẻ | -20.9 | 622 | 590 | 746 | |
| 10 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -21.4 | 186 | 87 | 110 | |
| 11 | Thực phẩm và đồ uống | -23.1 | 677 | 550 | 715 | |
| 12 | Hóa chất | -24.1 | 537 | 432 | 569 | |
| 13 | Dịch vụ tài chính | -26.8 | 2,477 | 1,779 | 2,430 | |
| 14 | Y tế | -27.6 | 9 | 9 | 13 | |
| 15 | Bảo hiểm | -30.2 | 16 | 12 | 17 | |
| 16 | Ô tô và phụ tùng | -39.0 | 83 | 59 | 97 | |
| 17 | Dầu khí | -40.4 | 127 | 90 | 151 | |

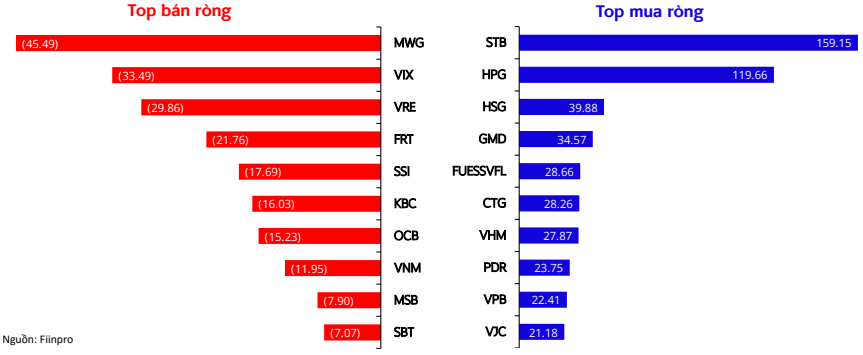
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| STB | Sacombank | Ngân hàng | 29,450 | 3.3 | 9.1 | 30.9 | 51 | 778.2 | |
| NVL | Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland) | Bất động sản | 14,800 | 1.7 | 11.3 | 5.7 | 19 | 405.2 | |
| HSG | Tập đoàn Hoa Sen | Tài nguyên Cơ bản | 20,000 | 2.8 | 16.3 | 78.4 | 31 | 268.6 | |
| SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | Ngân hàng | 11,000 | 2.8 | 8.4 | 30.5 | 38 | 188.8 | |
| GEX | Tập đoàn Gelex | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 19,850 | 4.5 | 7.0 | 60.1 | 18 | 300.9 | |
| VJC | Vietjet Air | Du lịch và Giải trí | 107,300 | 0.8 | 9.5 | -2.0 | 43 | 132.8 | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 25,750 | 2.6 | 12.0 | 43.1 | 8 | 522.0 | |
| EVF | Tài chính Điện lực | Dịch vụ tài chính | 12,500 | 4.2 | 12.1 | 56.2 | 78 | 78.3 | |
| GMD | Gemadept | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 66,000 | 1.5 | 9.1 | 45.4 | 40 | 117.6 | |
| EIB | Eximbank | Ngân hàng | 18,000 | 1.1 | 4.0 | -8.8 | 41 | 104.7 | |
| VPB | VPBank | Ngân hàng | 20,800 | 5.1 | 4.5 | 16.2 | 15 | 198.0 | |
| VPI | Đầu tư Văn Phú - Invest | Bất động sản | 54,100 | -1.6 | 2.1 | 0.6 | 52 | 62.8 | |
| NHH | Nhựa Hà Nội | Hóa chất | 21,050 | 6.9 | 15.7 | 60.7 | 117 | 37.7 | |
| LPB | LienViet Post Bank | Ngân hàng | 15,400 | 1.0 | 6.6 | 51.3 | 41 | 69.7 | |
| SBT | Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa | Thực phẩm và đồ uống | 14,300 | 2.5 | 3.6 | 8.5 | 74 | 32.9 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| NHH | Nhựa Hà Nội | Hóa chất | 21,050.0 | 6.9 | 15.7 | 60.7 | 11.9 | 21.05 | |
| EVF | Tài chính Điện lực | Dịch vụ tài chính | 12,500.0 | 4.2 | 12.1 | 56.2 | 8.7 | 12.50 | |
| FIR | Địa ốc First Real | Bất động sản | 23,400.0 | -0.4 | 8.3 | -28.8 | 4.3 | 23.40 | |
| SBT | Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa | Thực phẩm và đồ uống | 14,300.0 | 2.5 | 3.6 | 8.5 | 3.7 | 14.30 | |
| PPC | Nhiệt điện Phả Lại | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 12,950.0 | 0.8 | 3.2 | 2.4 | 2.2 | 12.95 | |
| CRE | Bất động sản Thế Kỷ | Bất động sản | 7,400.0 | 0.3 | 4.8 | -28.2 | 2.7 | 7.40 | |
| CCL | ĐT&PT Dầu khí Cửu Long | Bất động sản | 6,330.0 | 0.3 | 2.1 | 36.3 | 1.7 | 6.33 | |
| HAP | Tập đoàn Hapaco | Tài nguyên Cơ bản | 4,610.0 | 0.2 | 2.4 | 8.0 | 1.2 | 4.61 | |
| TNI | Tập đoàn Thành Nam | Tài nguyên Cơ bản | 2,610.0 | 1.2 | 1.6 | -17.9 | 1.8 | 2.61 | |
| TCD | ĐT Phát triển CN và Vận tải | Xây dựng và Vật liệu | 6,630.0 | -1.3 | -1.8 | 33.1 | -0.5 | 6.63 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 11/6/2023 | 1,462.7 | 1,106.6 | 356.1 |
| 11/3/2023 | 1,776.8 | 1,511.0 | 265.8 |
| 11/2/2023 | 1,331.2 | 1,478.2 | -147.1 |
| 11/1/2023 | 1,778.2 | 1,885.5 | -107.4 |
| 10/31/2023 | 1,918.5 | 1,626.8 | 291.7 |
| 10/30/2023 | 932.8 | 1,038.9 | -106.1 |
| 10/27/2023 | 1,137.8 | 1,485.5 | -347.8 |
| 10/26/2023 | 1,620.2 | 1,715.3 | -95.1 |
| 10/25/2023 | 690.6 | 1,246.4 | -555.8 |
| 10/24/2023 | 959.8 | 1,417.8 | -458.1 |
| 10/23/2023 | 1,822.0 | 1,764.7 | 57.3 |
| 10/20/2023 | 2,096.6 | 1,332.8 | 763.8 |
| 10/19/2023 | 1,774.3 | 1,502.1 | 272.2 |
| 10/18/2023 | 1,635.5 | 1,078.3 | 557.2 |
| 10/17/2023 | 1,008.2 | 988.6 | 19.6 |
| 10/16/2023 | 607.6 | 1,435.8 | -828.2 |



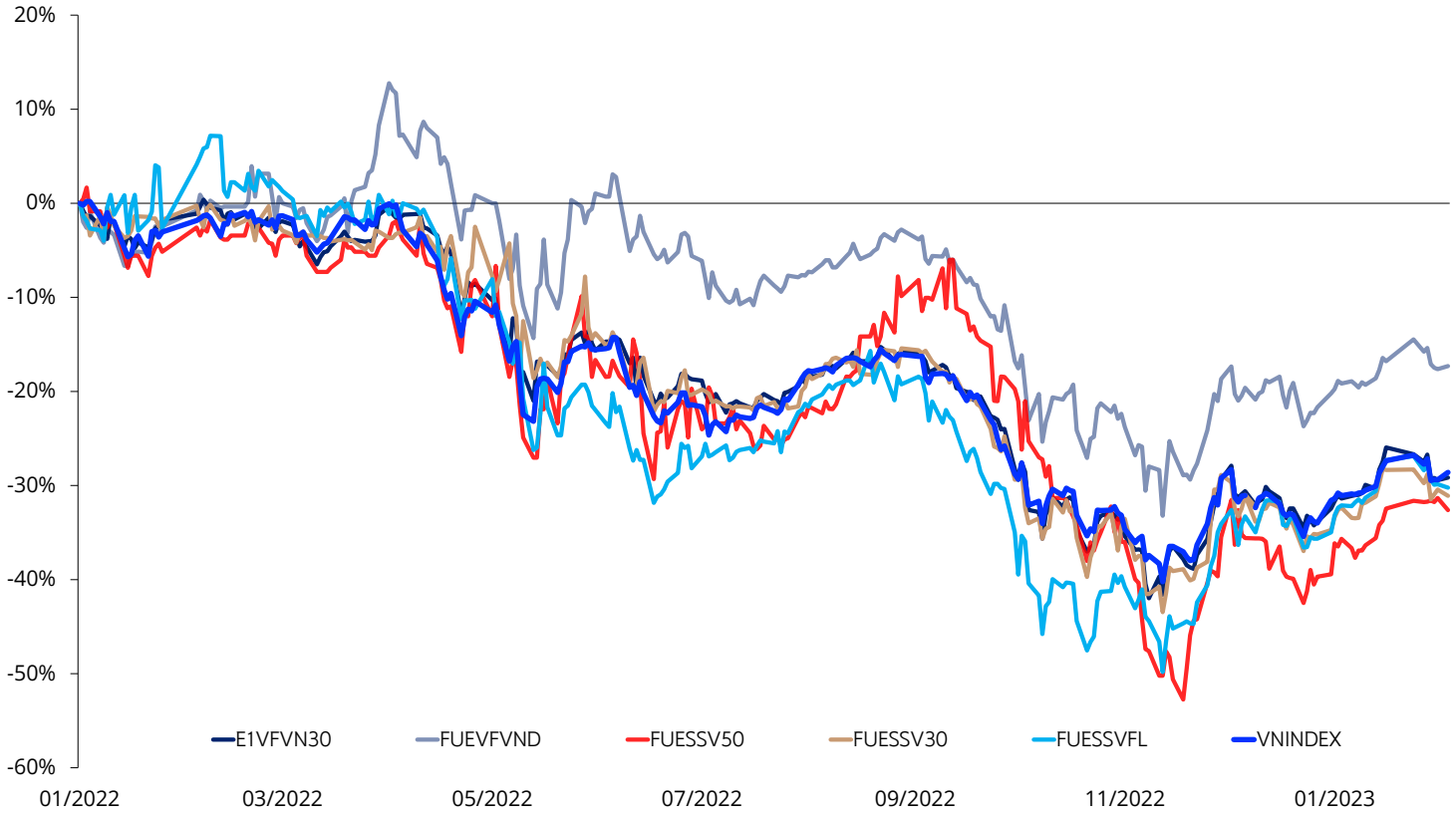
Shinhan Securities

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 19,050 | 1.2% | -3.1% | 9.9% | 438,900 | 8.3 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 16,600 | 0.0% | -16.9% | 18.1% | 11,500 | 0.2 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 17,840 | 0.7% | -1.8% | 24.3% | 38,100 | 0.7 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 24,380 | 0.8% | -5.5% | 8.8% | 682,900 | 16.6 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 14,490 | -0.1% | -4.0% | 11.9% | 79,800 | 1.2 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 13,790 | 1.6% | -1.4% | 10.5% | 91,200 | 1.2 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 13,050 | 1.1% | -3.3% | 9.5% | 13,700 | 0.2 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 8,050 | 0.0% | -1.7% | 11.5% | 300 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 7,200 | 0.0% | -3.6% | 8.3% | 1,200 | 0.0 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 9,800 | -0.1% | -3.1% | 21.0% | 16,100 | 0.2 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 10,300 | 0.8% | 1.9% | 22.3% | 200 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 10,280 | 2.8% | -5.0% | n.a | 100 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 13,600 | 0.0% | -11.7% | n.a | 4,900 | 0.1 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 290.8 | -2.3 | -45.8 | 12.5 | 23.8 | 1.0 | 2.08 | 1.5 | 10.1 | 61.1 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | FUESSV50 | 6.1 | 0.2 | 0.3 | 11.3 | 45.6 | 1.0 | 1.89 | 1.5 | 11.1 | 48.1 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 151.5 | -8.2 | -26.8 | 35.0 | 33.0 | 0.9 | 1.45 | 1.2 | 8.3 | 80.4 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 697.6 | -26.1 | -100.6 | 11.8 | 27.9 | 0.9 | 2.41 | 1.6 | 9.5 | 85.1 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | 12.5 | 26.6 | 0.9 | 2.01 | 1.4 | 10.9 | 44.1 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 4.9 | 0.8 | 0.9 | 7.7 | 30.0 | 0.9 | 2.00 | 1.5 | 10.6 | 60.2 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | 0.0 | -0.5 | 11.1 | 24.3 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.8 | 0.0 | 0.0 | 12.4 | 23.5 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 23.6 | 0.3 | 1.8 | 11.6 | 33.8 | 0.9 | 2.00 | 1.5 | 10.6 | 60.6 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 6.1 | 2.0 | 2.4 | 22.7 | 35.7 | 1.2 | 1.74 | 1.5 | 14.8 | 43.8 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 11.6 | 0.0 | 0.5 | n.a | 23.7 | 1.0 | 1.64 | 1.2 | 8.1 | 68.2 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | 0.1 | 1.8 | n.a | n.a | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPT Fund | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | 0.0 | 0.0 | n.a | n.a | -0.3 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.